

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-10-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Ông Mai Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1966.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Ngọc D, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp Q, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Ch có mặt; ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn Bà Trần Thị Ch trình bày:* Bà và Ông Trương Ngọc D tự nguyện chung sống vào năm 1993, đến năm 1995 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154 ngày 24/7/1995).

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặt khác ông D thường uống rượu say xỉn rồi vô cớ đánh đập

bà. Từ tháng 01/2019 vợ chồng sống ly thân nhau. Nay bà cương quyết xin ly hôn với ông D vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

- Con chung: Bà và ông D có 06 con chung gồm: Trương Thị Kiều C - sinh ngày 01/12/1984, Trương Minh L - sinh ngày 25/10/1990, Trương Thị Diễm M - sinh ngày 13/01/1994, Trương Quang T - sinh ngày 16/6/1997, Trương Ngọc T1 - sinh ngày 11/7/1999, Trương Thị Mỹ Ph - sinh ngày 02/12/2006. Nếu ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cháu Ph, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với các cháu C, L, M, T, T1 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Bà và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Ông Trương Ngọc D trình bày tại hồ sơ:* Ông và bà Ch tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/7/1995).

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã. Nay bà Ch xin ly hôn, ông đồng ý thuận tình.

- Con chung: Có 06 con chung gồm Trương Thị Kiều C - sinh ngày 01/12/1984, Trương Minh L - sinh ngày 25/10/1990, Trương Thị Diễm M - sinh ngày 13/01/1994, Trương Quang T - sinh ngày 16/6/1997, Trương Ngọc T1 - sinh ngày 11/7/1999, Trương Thị Mỹ Ph - sinh ngày 02/12/2006. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao cháu Ph cho bà Ch nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn các cháu C, L, M, T, T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Ông và bà Ch tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Ch và ông D chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1995 là phù hợp Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay bà Ch xin ly hôn với ông D, xin nuôi con chung là cháu Ph, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung, đối với 05 người con chung là C, L, M, T, T1 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tại hồ sơ ông D đồng ý với yêu cầu của bà Ch. Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Trương Ngọc D có yêu cầu vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Trần Thị Ch xin ly hôn với Ông Trương Ngọc D. Hiện nay ông D cư trú tại ấp Q, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là Bà Trần Thị Ch, bị đơn là Ông Trương Ngọc D.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Ch chung sống với Ông Trương Ngọc D vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 154 ngày 24/7/1995) nên căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Tại phiên tòa bà Ch cương quyết xin ly hôn với ông D, tại hồ sơ ông D đồng ý thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Ch thì thấy: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo bà Ch khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, ông D đi nhậu về đánh bà vô cớ, từ tháng 01/2019 vợ chồng sống ly thân nhau. Tại hồ sơ ông D thừa nhận do tính tình không hợp nên vợ chồng bất hòa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà Ch và ông D đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần cho bà Ch được ly hôn với ông D là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: các đương sự khai có 06 con chung gồm: Trương Thị Kiều C - sinh ngày 01/12/1984, Trương Minh L - sinh ngày 25/10/1990, Trương Thị Diễm M - sinh ngày 13/01/1994, Trương Quang T - sinh ngày 16/6/1997, Trương Ngọc T1 - sinh ngày 11/7/1999 và Trương Thị Mỹ Ph - sinh ngày 02/12/2006. Đối với các cháu C, L, M, T, T1 đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Bà Ch xin nuôi cháu Ph, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tại hồ sơ ông D đồng ý. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Ch là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Bà Ch và ông D khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Bà Ch phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Ch về việc “Ly hôn” đối với bị đơn Ông Trương Ngọc D.

1. Xử: Cho Bà Trần Thị Ch được ly hôn Ông Trương Ngọc D.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trương Thị Mỹ Ph - sinh ngày 02/12/2006 cho bà Ch nuôi dưỡng. Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009515 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Bà Ch đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị Ch được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ông Trương Ngọc D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

